

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST.

Ngày: 19/03/2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2020/TLST - DS, ngày 03 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Ngân hàng CSXHVN.**

Địa chỉ: số 169 phố Linh Đàm, pH Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T**, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng CSXHVN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Chí H**, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019) (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Ba Hòn, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: - Bà **Trần Thị Ánh H**, sinh năm 1985;

- Ông **Lê Phước H1**, sinh năm 1983 (chồng bà H).

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ H1, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG.

(ông H1, bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí H trình bày:*

Vào ngày 29/10/2014 bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 được Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương xét cho vay theo chương trình hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng, ngân hàng đã giải ngân số tiền này vào ngày 05/11/2014, lãi suất cho vay 0,72%/tháng, mục đích vay chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 30 tháng, trả lãi hàng tháng, cứ 12 tháng trả gốc 01 lần, mỗi lần trả 10.000.000 đồng, ngày trả cuối kỳ là 18/05/2017.

Đến kỳ hạn trả nợ bà H, ông H1 không trả được nợ và có đơn xin gia hạn do gặp khó khăn. Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương đã gia hạn khoản nợ trên cho bà H, ông H1 02 lần nên thời hạn trả đến ngày 18/4/2018, tuy nhiên đến ngày 18/4/2018 thì bà H, ông H1 cũng không trả và không còn gia hạn được nữa nên toàn bộ món vay này được chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển sang nợ quá hạn thì bà H, ông H1 có trả được số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 24/9/2019 nên tính đến ngày 20/7/2020 thì số nợ của món vay này là 38.60.728 đồng. Trong đó, gốc 29.000.000 đồng và lãi 9.630.728 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương còn giải ngân cho bà H, ông H1 vay số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất cho vay 0,8%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, trả lãi hàng tháng, cứ 06 tháng trả gốc 01 lần, ngày trả cuối kỳ là 18/04/2020.

Đối với khoản vay này khi đến hết ngày 18/4/2020 bà H, ông H1 cũng không trả được nợ và cũng không có đơn xin gia hạn nên Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương đã chuyển toàn bộ món vay này sang nợ quá hạn. Tính ngày

20/7/2020 thì số nợ của khoản vay này là 15.323.024đồng. Trong đó, gốc 12.000.000đồng và lãi 3.323.024 đồng.

Đến hạn trả nợ của từng khoản vay, bà H và ông H1 không chịu trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù cán bộ Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nh1 bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 vẫn chưa trả số nợ trên cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng CSXHVN khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết thì bà H và ông H1 có thực hiện trả mỗi tháng là 1.000.000đồng từ tháng 11/2020 đến tháng 03/2021 (4 tháng) với số tiền 4.000.000đồng. Số tiền này Ngân hàng đã thu vào khoản vay hộ cận nghèo 3.000.000đồng (trong đó trừ vào gốc 2.000.000đồng và lãi 1.000.000đồng); 1.000.000đồng còn lại trừ vào tiền lãi của khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường.

Như vậy, tính đến ngày 18/03/2021 bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 còn nợ của khoản vay hộ cận nghèo 37.735.000đồng (trong đó gốc 27.000.000đồng và lãi 10.735.000đồng); khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường 15.300.000đồng (trong đó gốc 12.000.000đồng và lãi 3.300.000đồng). Tổng cộng 02 khoản vay còn nợ là 53.035.000đồng (trong đó, gốc 39.000.000đồng và lãi 14.035.000đồng).

Tại phiên tòa, Đại diện của Ngân hàng CSXHVN - ông Nguyễn Chí H yêu cầu bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 phải trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/03/2021 là 53.035.000đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/10/2014; 10/4/2015 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính tiếp từ ngày 19/03/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

** Theo biên bản ghi lời khai của bị đơn bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 trình bày như sau:*

Bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 thừa nhận được Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương xét cho vay theo chương trình hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng và chương trình nước sạch vệ sinh môi trường với số tiền 12.000.000đồng. Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương đã giải ngân đủ số tiền trên, lãi suất cho vay và thời hạn vay như phía đại diện của Ngân hàng trình bày là đúng. Do bà H vay số tiền trên cho chị Lê Hồng Ngọc (là em gái của ông H1) nên trong quá trình thực hiện hợp đồng vay chị Ngọc là người chịu trách nhiệm đóng

lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng. Vì vậy, bà H và ông H1 không biết hiện nay chị Ngọc đã đóng được bao nhiêu tiền. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Ngân hàng thì bà H và ông H1 cũng đồng ý trả nH1 hiện nay bà H và ông H1 đang khó khăn do có con nhỏ nên ông bà xin được trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng trả cho đến hết số nợ nêu trên; bà H và ông H1 đã thực hiện trả cho Ngân hàng mỗi tháng là 1.000.000đồng trả từ tháng 11/2020 đến tháng 03/2021 được 4.000.000đồng.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 467 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN buộc bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 18/03/2021 là 53.035.000đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/10/2014; 10/4/2015 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính tiếp từ ngày 19/03/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng; Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bà H và ông H1 phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng CSXHVN yêu cầu bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 phải trả số tiền vay còn tH, vì vậy được xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 có nơi cư trú tại xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nH1 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Vào năm 2014 - 2015 hộ bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 được Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương xét cho vay theo chương trình hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 05/11/2014, lãi suất cho vay 0,72%/tháng, mục đích vay chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 30 tháng, trả lãi hàng tháng, cứ 12 tháng trả gốc 01 lần, mỗi lần trả 10.000.000 đồng, ngày trả cuối kỳ là 18/05/2017. Ngoài ra, vào ngày 10/4/2015 Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương còn giải ngân cho bà H, ông H1 số tiền 12.000.000 đồng vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất cho vay 0,8%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, trả lãi hàng tháng, cứ 06 tháng trả gốc 01 lần, ngày trả cuối kỳ là 18/04/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà H, ông H1 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo định kỳ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã gia hạn khoản vay hộ cận nghèo 02 lần nH1 đến hạn bà H, ông H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên tính đến thời điểm hiện nay cả 02 khoản nợ này đã quá hạn thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất buộc bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 phải trả số nợ còn lại cho Ngân hàng CSXHVN.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Chí H yêu cầu bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 phải trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền tính đến ngày 18/03/2021 là 53.035.000đồng (trong đó tiền gốc 39.000.000đồng, lãi 14.035.000đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/10/2014; 10/4/2015 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính tiếp từ ngày 19/03/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay thể hiện bà bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 có nợ của Ngân hàng CSXHVN số tiền 30.000.000 đồng của món vay hộ cận nghèo và 12.000.000đồng của món vay chương trình nước sạch vệ sinh môi

trường, có chữ ký viết tên và ký tên của bà H bên vay; Phía bà H, ông H1 thừa nhận được Ngân hàng CSXHVN/phòng giao dịch Kiên Lương xét cho vay theo chương trình hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng; chương trình nước sạch vệ sinh môi trường 12.000.000đồng và tổng số tiền này đã được Ngân hàng giải ngân xong; hiện nay bà H và ông H1 vẫn chưa trả số nợ trên cho Ngân hàng. Nay theo yêu cầu của Ngân hàng thì bà H, ông H1 cũng thống nhất và đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Chí H đồng ý trừ số tiền 4.000.000đồng mà bà H, ông H1 đã nộp vào khoản vay hộ cận nghèo 3.000.000đồng (trong đó trừ vào gốc 2.000.000đồng và lãi 1.000.000đồng); 1.000.000đồng còn lại trừ vào tiền lãi của khoản vay nước sạch vệ sinh môi trường.

Hội đồng xét xử thấy rằng đây là sự tự nguyện của các đương sự, cần thiết ghi nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 đối với Ngân hàng; bà H và ông H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng CSXHVN tổng số tiền 53.035.000đồng (trong đó tiền gốc 39.000.000đồng, lãi 14.035.000đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/10/2014; 10/4/2015 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính tiếp từ ngày 19/03/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 xin được trả dần số nợ trên, mỗi tháng xin trả 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ thì H1 không được phía Ngân hàng CSXHVN đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Vì vậy, yêu cầu này của bà H, ông H1 là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí DSST: Bà H và ông H1 nợ của Ngân hàng CSXHVN theo chương trình cho vay hộ cận nghèo. Tuy nhiên, theo xác nhận của nơi ông H1, bà H đăng ký hộ khẩu tH trú thì khoảng 04 năm trở lại đây hộ bà H, ông H1 không thuộc đối tượng được xét hộ cận nghèo. Vì vậy, áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H và ông H1 phải chịu án phí có giá gạch trên số tiền phải

trả cho Ngân hàng cụ thể bà H, ông H1 phải chịu án phí sơ thẩm: 53.035.000đồng x 5% = 2.652.000đồng.

Ngân hàng CSXHVN khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không xử lý tiền tạm ứng án phí trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 467 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN về việc đòi nợ đối với bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1.

Buộc bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 phải trả cho Ngân hàng CSXHVN tổng số tiền 53.035.000đồng (trong đó tiền gốc 39.000.000đồng, lãi 14.035.000đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/10/2014; 10/4/2015 mà hai bên đã ký kết, thời điểm tính tiếp từ ngày 19/03/2021 cho đến khi bà bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 trả hết nợ cho Ngân hàng CSXHVN.

2/ Về án phí DSST: Buộc bà Trần Thị Ánh H và ông Lê Phước H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.652.000đồng.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà bà Trần Thị Ánh H, ông Lê Phước H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp